

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06.5.2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quang Bình và bà Đào Thị Hải Lý.

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lâm Thị H, sinh năm 1997. Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: số 6, T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Bị đơn: anh Vũ Văn N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: cháu Vũ Quỳnh C, sinh ngày 15/9/2017 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 01/8/2021, hiện nay đang ở với chị H (mẹ đẻ cháu).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu C và T: chị Lâm Thị H và anh Vũ Văn N (là bố, mẹ đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Lâm Thị H thể hiện: chị H và anh Vũ Văn N là hai người khác địa phương, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên ngày 09/01/2017. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng nảy sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống hàng ngày và trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, chung sống không hạnh phúc. Ngoài ra, anh N thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, chơi bời khiến kinh tế gia đình sa sút, chị H khuyên bảo anh N không thay đổi nên chị chán nản và không chịu đựng được. Chị bỏ về nhà bố mẹ chị ở từ tháng 12/2024, vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, không thể hàn gắn được quan hệ hôn nhân. Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh N để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: chị H và anh N có hai con chung là Vũ Quỳnh C, sinh ngày 15/9/2017 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/8/2021. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn, chị xin nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn N trình bày: về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh N trình bày như chị H trình bày trên. Anh N xác định, chị H đã bỏ về nhà để ở từ tháng 12/2024, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, anh không mong muốn vợ chồng ly hôn, anh mong chị H suy nghĩ lại và đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng anh về đoàn tụ, nuôi dạy con chung. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày trên. Trường hợp anh và chị H ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 01 con chung đến tuổi thành niên, con nào cũng được, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác: anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Quỳnh C trình bày: cháu là con bố N, mẹ H, cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn của bố mẹ cháu, bố mẹ cháu hiện nay mỗi người ở một nơi, cháu và em cháu đang ở với mẹ. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày: giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Vũ Văn N. Về con chung: chị giữ nguyên quan điểm xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung đến khi các cháu thành niên, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn N vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích về tình trạng hôn nhân của chị H, anh N, đề nghị như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Lâm Thị H được ly hôn anh Vũ Văn N. Về con chung: Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Quỳnh C, sinh ngày 15/9/2017 và cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 01/8/2021, đến khi các cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, công nợ: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Lâm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn N, có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay vắng mặt anh Vũ Văn N. Toà án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác của Toà án cho anh N đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án xét xử vụ án vắng mặt anh N, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lâm Thị H và anh Vũ Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên, ngày 09/01/2017. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị H xin ly

hôn anh N, sẽ được áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của chị H, anh N, có đủ cơ sở xác định, chị H và anh N chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và do anh N rượu chè, chơi bời dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt, chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, kinh tế độc lập. Chị H xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn anh N. Anh N xác định anh còn tình cảm với chị H, anh xin được đoàn tụ. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh N xác định quá trình chung sống vợ chồng có nhiều dạn nứt, anh xin được đoàn tụ và đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh N không đến phiên toà và không có biện pháp khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh N xin được đoàn tụ chỉ nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn của anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân.

[3] Về con chung: chị H và anh N có 02 con chung là Vũ Quỳnh C, sinh ngày 15/9/2017 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/8/2021. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Chị H đang nuôi cả hai con chung. Nếu ly hôn, chị H xin nuôi cả hai con chung đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N xin nuôi một con chung đến khi con thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu C xin được ở với mẹ.

Xét thấy, hiện nay chị H và anh N đều đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hai cháu C và T đều còn nhỏ, hai cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, hai cháu vẫn đang trực tiếp ở với chị H và được chị H chăm sóc. Nguyên vọng của cháu C xin được ở với mẹ là chị H nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu C và T đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: chị H, anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Lâm Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Lâm Thị H được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Vũ Quỳnh C, sinh ngày 15/9/2017 và Vũ Thanh T, sinh ngày 01/8/2021 đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001679 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị H đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh